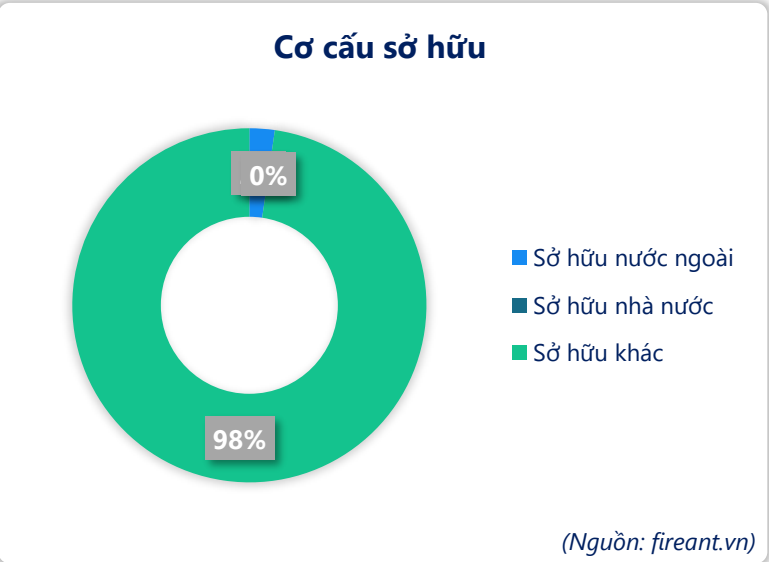
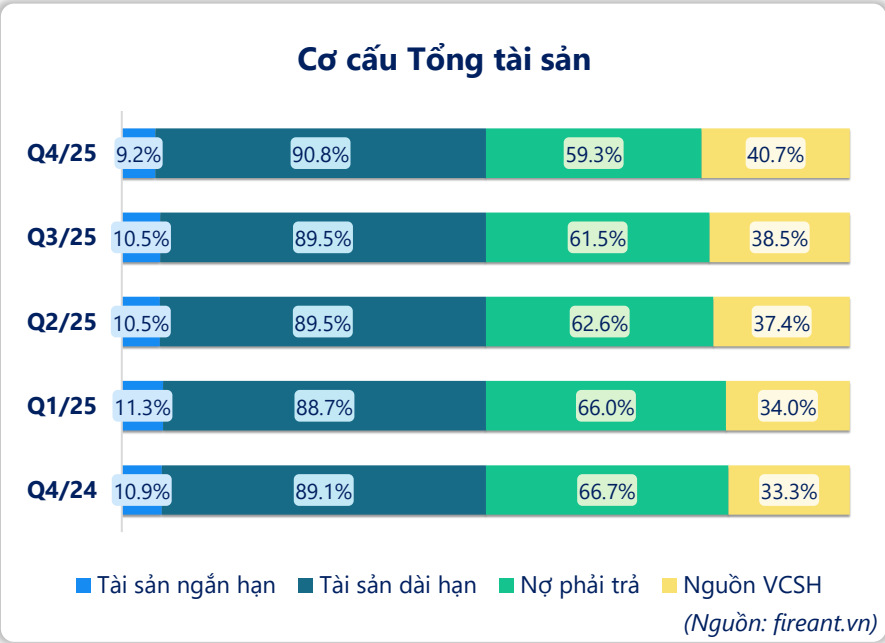
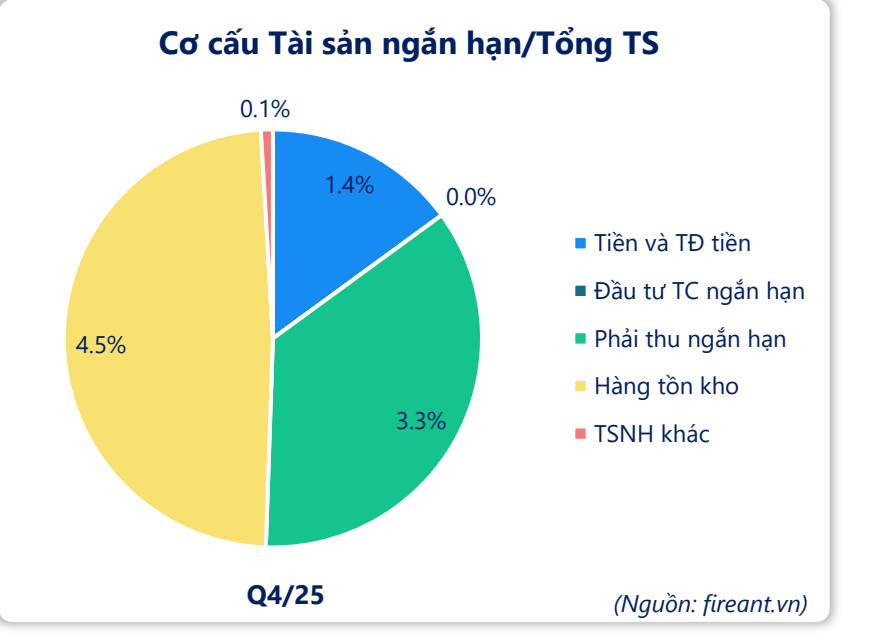
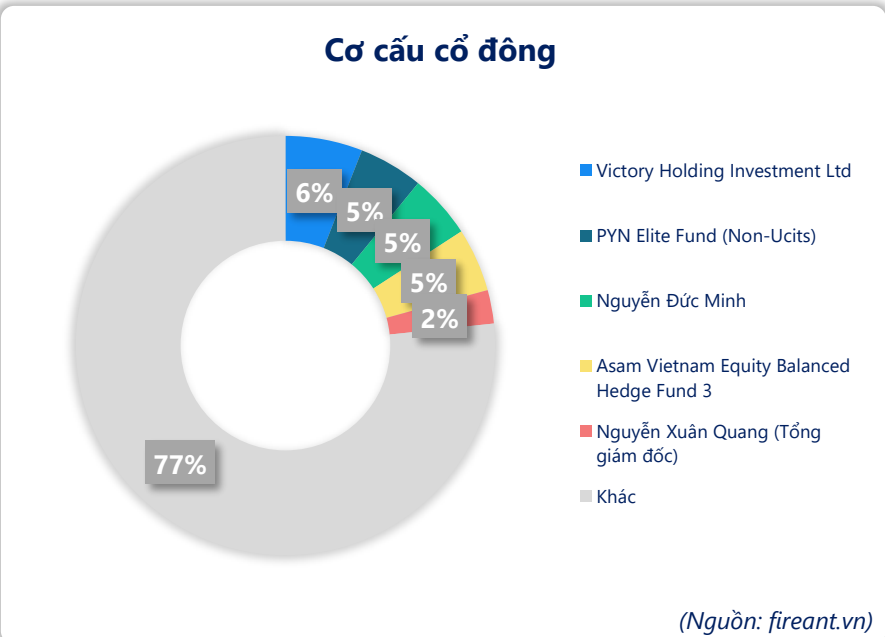
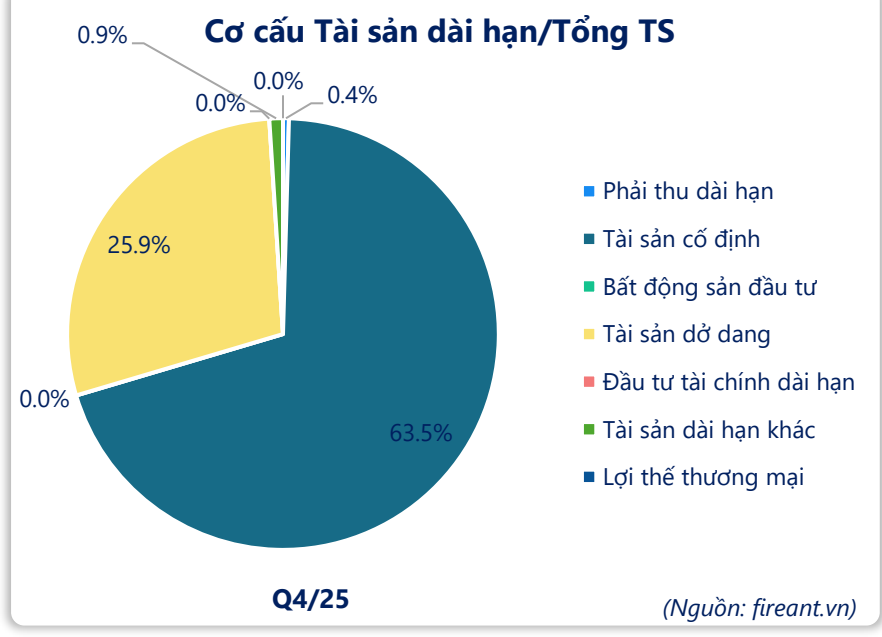
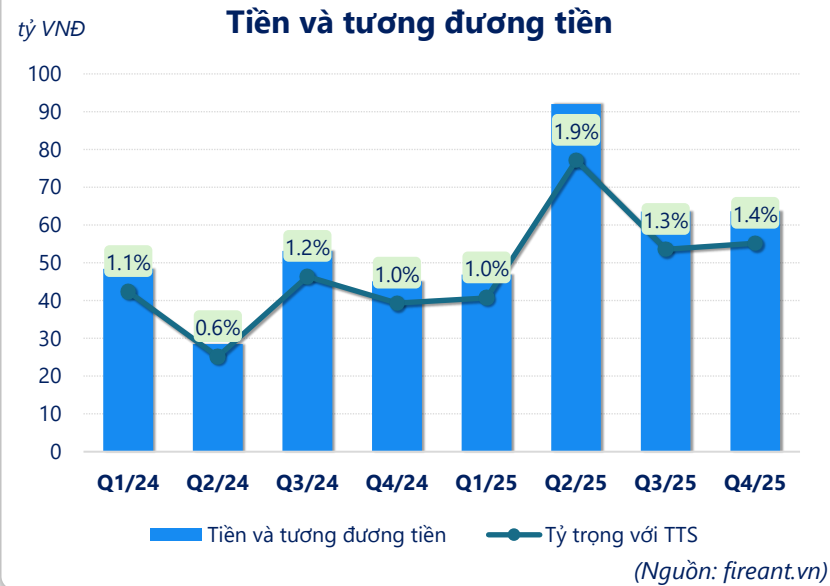
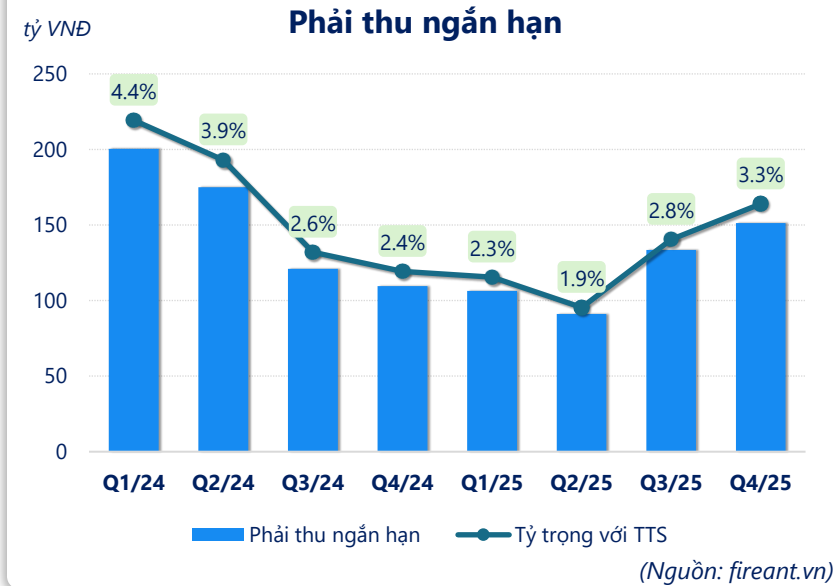
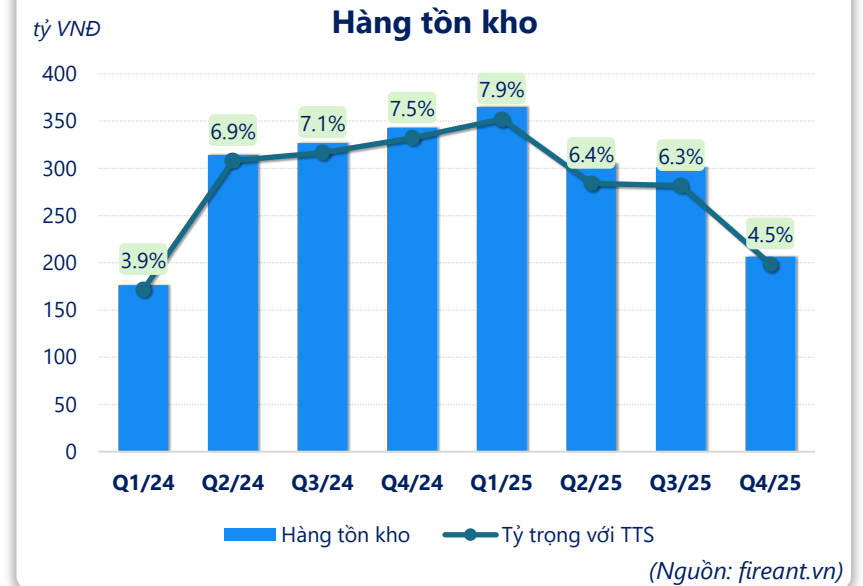
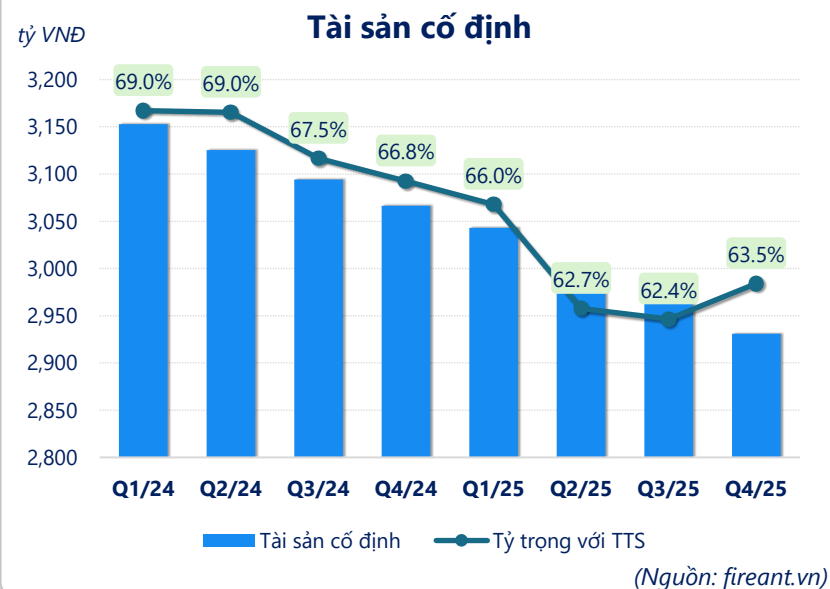
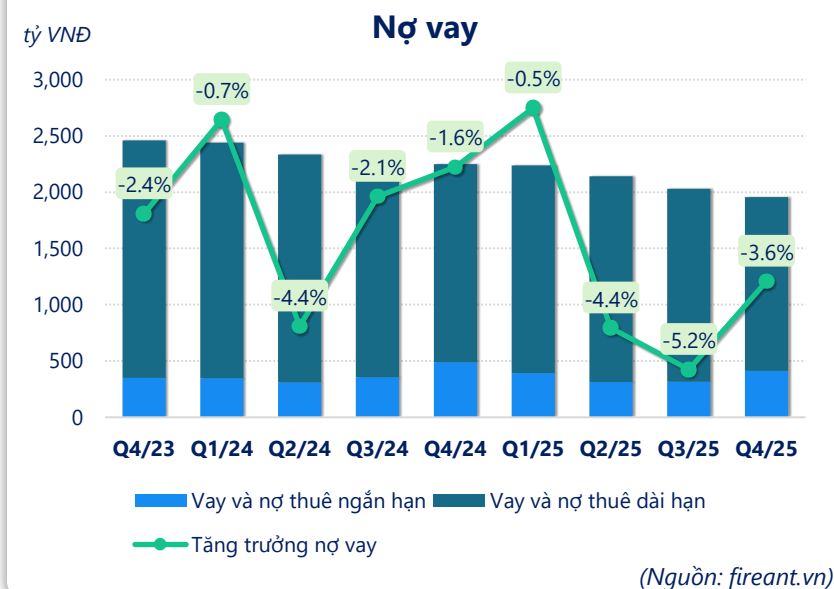
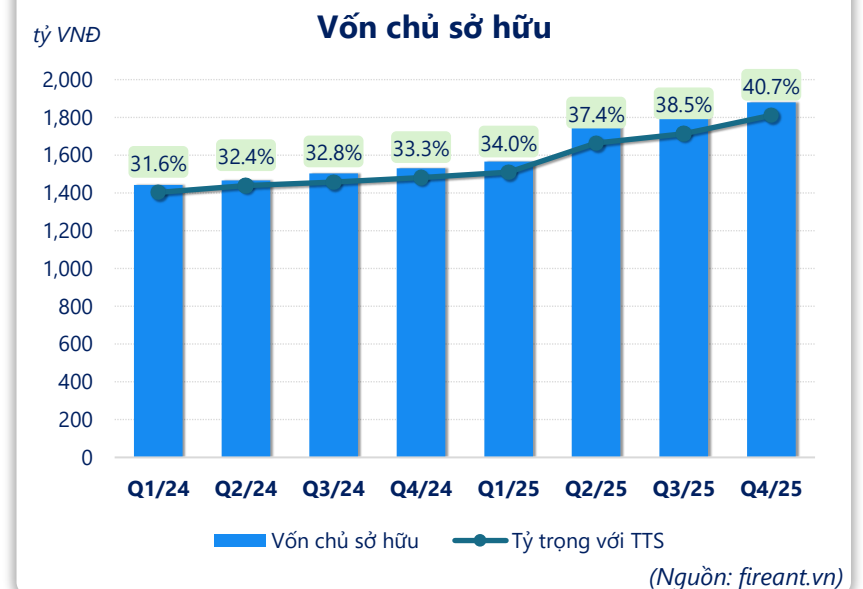
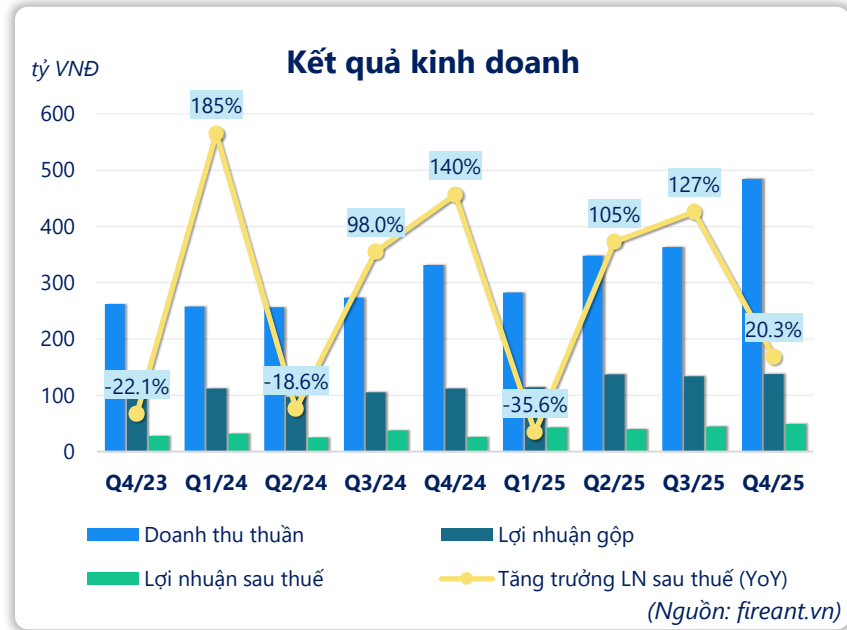
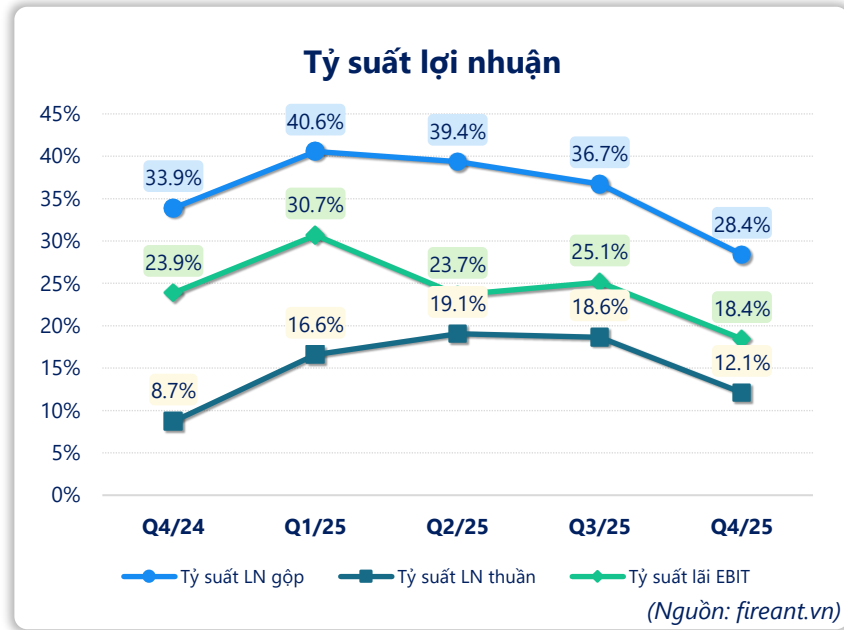
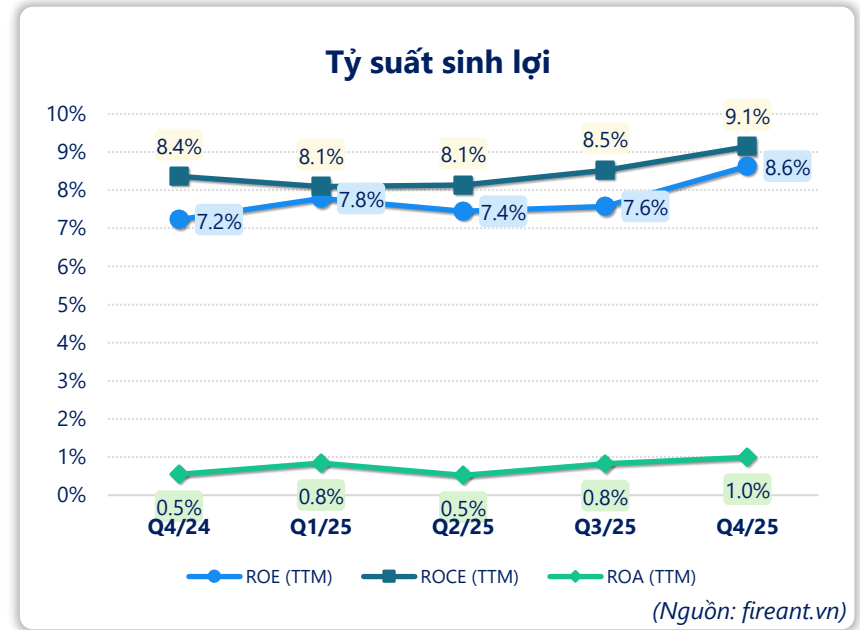
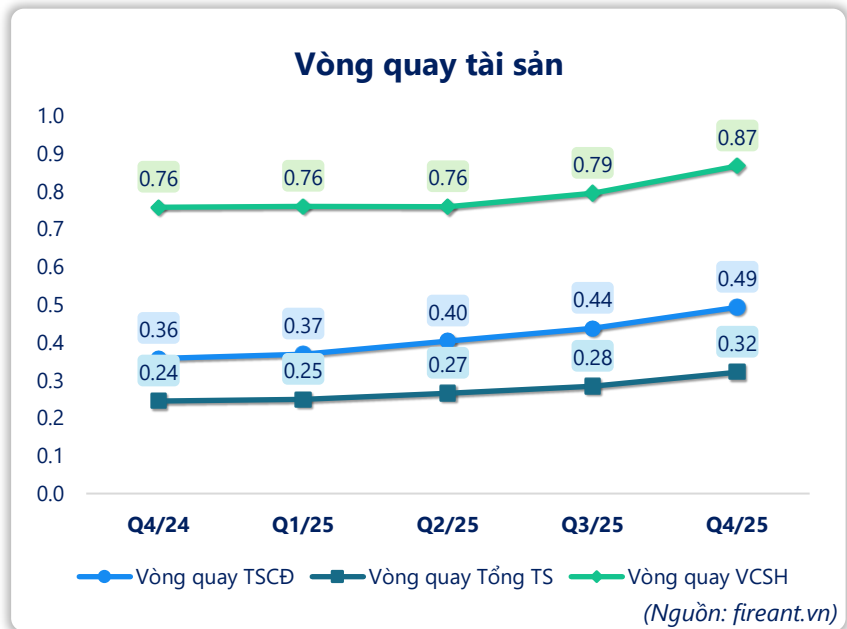
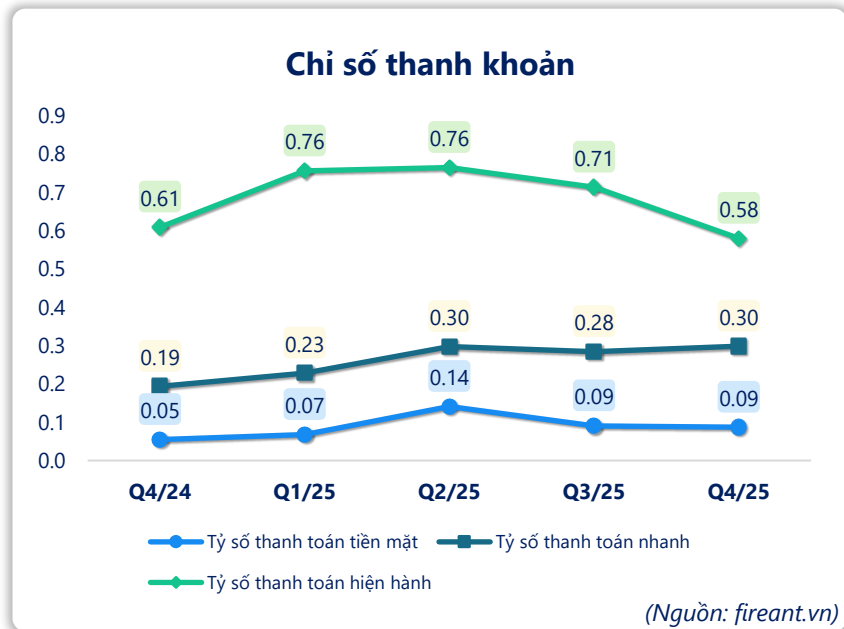
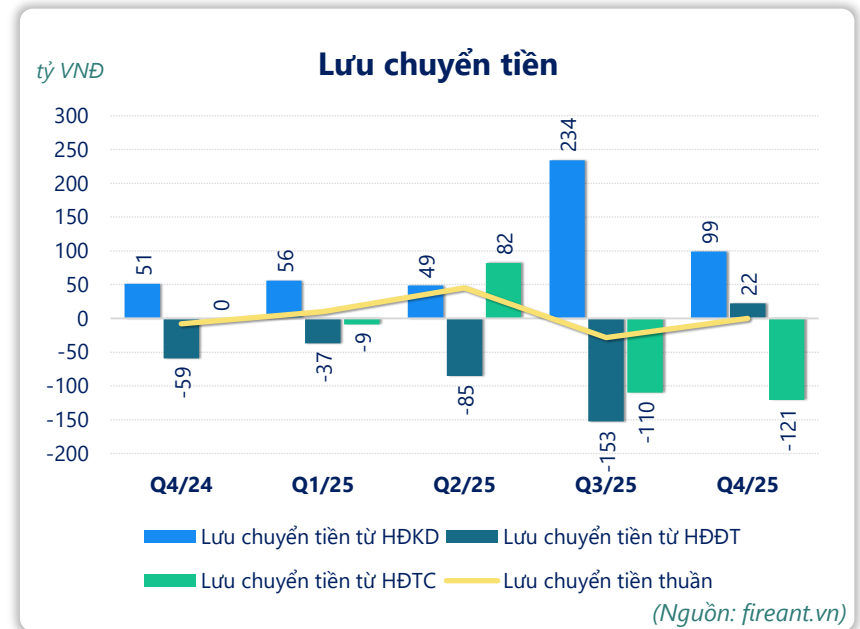


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,200
SL cổ phiếu LH		62,999,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)		314,230
% sở hữu nước ngoài		2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,402
P/E		9.5
EPS		2,336

	YTD	1T	3T	6T
CTI	19.3%	-6.9%	-14.3%	-11.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,614	4,561	1.2%
Tài sản ngắn hạn	425	482	-11.7%
Tiền và tương đương tiền	63.6	37.1	71.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.48	-100%
Phải thu ngắn hạn	151	91.2	65.8%
Hàng tồn kho	206	341	-39.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.91	5.32	-26.6%
Tài sản dài hạn	4,189	4,080	2.7%
Phải thu dài hạn	18.6	8.52	118%
Tài sản cố định	2,931	3,066	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,197	951	25.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	42.5	53.5	-20.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,734	3,037	-10.0%
Nợ ngắn hạn	733	749	-2.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	414	436	-5.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	155	145	7.2%
Nợ dài hạn	2,001	2,288	-12.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,543	1,814	-14.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,880	1,524	23.4%
Vốn chủ sở hữu	1,880	1,524	23.4%
Vốn điều lệ	630	630	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	331	282	348	363	485
Giá vốn hàng bán	219	168	211	230	347
Lợi nhuận gộp	112	115	137	133	138
Doanh thu HĐTC	0.20	0.39	0.13	0.34	0.18
Chi phí TC	52.3	41.9	43.5	40.2	41.7
Chi phí lãi vay	50.4	41.9	43.5	40.2	41.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.86	1.49	0.87	0.96	1.00
Chi phí QLDN	30.5	24.8	26.4	24.8	36.5
LN thuần từ HĐKD	28.9	46.9	66.3	67.8	58.6
Lợi nhuận khác	-0.09	-2.09	-27.5	-16.7	-11.0
LN trước thuế	28.8	44.8	38.8	51.0	47.6
Lợi nhuận sau thuế	26.2	42.6	39.9	44.3	49.2
LNST của CĐ cty mẹ	24.9	38.6	24.3	38.5	45.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.2	55.8	48.6	234	98.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-59.3	-37.0	-85.4	-153	22.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-8.91	82.0	-110	-121
Tiền đầu kỳ	53.2	37.1	46.9	92.0	63.6
Lưu chuyển tiền thuần	-8.05	9.83	45.2	-28.4	0.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.1	46.9	92.0	63.6	63.6

(Nguồn: fireant.vn)